BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ QUỐC PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 145/2017/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2017*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng đang hưởng lương hoặc phụ cấp quân hàm từ ngân sách nhà nước trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính Bộ Quốc phòng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng đang hưởng lương hoặc phụ cấp quân hàm từ ngân sách nhà nước trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng đang hưởng lương hoặc phụ cấp quân hàm từ ngân sách nhà nước trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công nhân và viên chức quốc phòng.

2. Người làm công tác cơ yếu không phải là quân nhân, Công an nhân dân; người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu và học viên cơ yếu hưởng phụ cấp sinh hoạt phí (sau đây viết gọn là học viên cơ yếu).

3. Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây viết gọn là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP).

Điều 3. Cách tính mức lương, phụ cấp và trợ cấp

1. Mức lương cơ sở: 1.300.000 đồng/tháng.

2. Cách tính mức lương, phụ cấp quân hàm, hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) và phụ cấp, trợ cấp của các đối tượng quy định tại Điều 2 Thông tư này như sau:

a) Mức lương

Mức lương thực hiện từ ngày 01/7/2017	=	Mức lương cơ sở 1.300.000 đồng/tháng	x	Hệ số lương hiện hưởng

b) Mức phụ cấp quân hàm hạ sĩ quan, binh sĩ và học viên cơ yếu

Mức phụ cấp quân hàm thực hiện từ ngày 01/7/2017	=	Mức lương cơ sở 1.300.000 đồng/tháng	x	Hệ số phụ cấp quân hàm hiện hưởng

c) Mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)

Mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu thực hiện từ ngày 01/7/2017	=	Mức lương cơ sở 1.300.000 đồng/tháng	x	Hệ số chênh lệch bảo lưu hiện hưởng (nếu có)

d) Mức phụ cấp tính theo mức lương cơ sở

- Đối với người hưởng lương

Mức phụ cấp thực hiện từ ngày 01/7/2017	=	Mức lương cơ sở 1.300.000 đồng/tháng	x	Hệ số phụ cấp được hưởng theo quy định

- Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ và học viên cơ yếu

Mức phụ cấp thực hiện từ ngày 01/7/2017	=	Mức phụ cấp quân hàm binh nhì, tính theo mức lương cơ sở 1.300.000 đồng/tháng	x	Hệ số phụ cấp được hưởng theo quy định

đ) Mức phụ cấp tính theo tỷ lệ %

- Đối với người hưởng lương

Mức phụ cấp thực hiện từ ngày 01/7/2017	=	{ Mức lương thực hiện từ ngày 01/7/2017	+	Mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo thực hiện từ ngày 01/7/2017	+	Mức phụ cấp thâm niên vượt khung thực hiện từ ngày 01/7/2017 }	x	Tỷ lệ % phụ cấp được hưởng theo quy định

- Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ và học viên cơ yếu

Mức phụ cấp thực hiện từ ngày 01/7/2017	=	Mức phụ cấp quân hàm hiện hưởng, cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có) tính theo mức lương cơ sở 1.300.000 đồng/tháng	x	Tỷ lệ % phụ cấp được hưởng theo quy định

e) Mức trợ cấp tính theo mức lương cơ sở

Mức trợ cấp thực hiện từ ngày 01/7/2017	=	Mức lương cơ sở 1.300.000 đồng/tháng	x	Số tháng được hưởng trợ cấp theo quy định

3. Các khoản phụ cấp, trợ cấp quy định bằng mức tiền cụ thể, giữ nguyên theo quy định hiện hành.

4. Các mức lương, phụ cấp, trợ cấp của sĩ quan, người hưởng lương cấp hàm cơ yếu, quân nhân chuyên nghiệp, người hưởng lương chuyên môn kỹ thuật cơ yếu, công nhân quốc phòng, hạ sĩ quan, binh sĩ và học viên cơ yếu theo cách tính quy định tại Khoản 2 Điều này; Danh mục bảng lương, nâng lương và phụ cấp được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

Đối với viên chức quốc phòng, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động xếp lương theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP thì áp dụng cách tính mức lương, phụ cấp, trợ cấp theo quy định tại Khoản 2 Điều này hoặc thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thực hiện mức lương cơ sở.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ vào nội dung hướng dẫn tại Thông tư này, các cơ quan, đơn vị lập danh sách cấp phát tiền lương, phụ cấp từ ngày 01 tháng 7 năm 2017 cho các đối tượng được hưởng.

Trường hợp đối tượng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 2 Thông tư này có quyết định điều động công tác sang cơ quan, đơn vị khác trước khi Thông tư này có hiệu lực thi hành, thì cơ quan, đơn vị tiếp nhận đối tượng căn cứ vào hồ sơ, yếu tố ghi trong *''Giấy giới thiệu cung cấp tài chính''* hoặc *"Giấy thôi trả lương"* của đơn vị cũ, lập danh sách cấp phát, truy lĩnh phần chênh lệch theo quy định từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

2. Các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp tự chủ về tài chính và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang vận dụng thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương do Nhà nước quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP, Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty nhà nước, được áp dụng mức lương cơ sở quy định tại Điều 3 Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, để tính các mức lương trong hệ

thống thang lương, bảng lương và mức phụ cấp lương làm căn cứ tính đóng, hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác theo quy định của pháp luật về lao động cho các đối tượng được hưởng.

3. Khi cấp phát tiền lương cho các đối tượng được hưởng, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phải tính thu các khoản phải nộp theo quy định của pháp luật hiện hành (bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và thuế thu nhập cá nhân - nếu có). Lập các báo cáo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này, gửi về Bộ Quốc phòng (qua Cục Tài chính Bộ Quốc phòng) trước ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 31 tháng 7 năm 2017 và thay thế Thông tư số 77/2016/TT-BQP ngày 08 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng đang hưởng lương hoặc phụ cấp quân hàm từ ngân sách nhà nước trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng.

2. Các chế độ quy định tại Thông tư này được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

Điều 6. Điều khoản tham chiếu

Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng trong Thông tư này (kể cả Phụ lục ban hành kèm theo) được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì các nội dung được dẫn chiếu áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật mới đó.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Cục Tài chính để nghiên cứu, báo cáo Thủ trưởng Bộ Quốc phòng./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Ngô Xuân Lịch

Phụ lục 1

DANH MỤC BẢNG LƯƠNG, NÂNG LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 145/2017/TT-BQP ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

SỐ TT	TÊN GỌI	NỘI DUNG
1	Bảng 1	Bảng lương cấp bậc quân hàm sĩ quan và cấp hàm cơ yếu
2	Bảng 2	Bảng nâng lương cấp bậc quân hàm sĩ quan và cấp hàm cơ yếu
3	Bảng 3	Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo
		3.1. Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo Quân đội nhân dân
		3.2. Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo Cơ yếu
4	Bảng 4	Bảng phụ cấp quân hàm hạ sĩ quan, binh sĩ và học viên cơ yếu
5	Bảng 5	Bảng lương quân nhân chuyên nghiệp và chuyên môn kỹ thuật cơ yếu
6	Bảng 6	Bảng lương công nhân quốc phòng

Bảng 1

BẢNG LƯƠNG CẤP BẬC QUÂN HÀM SĨ QUAN VÀ CẤP HÀM CƠ YẾU

Đơn vị tính: Đồng

SỐ TT	CẤP BẬC QUÂN HÀM SĨ QUAN	CẤP HÀM CƠ YẾU	HỆ SỐ	MỨC LƯƠNG THỰC HIỆN từ 01/7/2017
1	Đại tướng	-	10,40	13.520.000
2	Thượng tướng	-	9,80	12.740.000
3	Trung tướng		9,20	11.960.000
4	Thiếu tướng	Bậc 9	8,60	11.180.000
5	Đại tá	Bậc 8	8,00	10.400.000
6	Thượng tá	Bậc 7	7,30	9.490.000
7	Trung tá	Bậc 6	6,60	8.580.000
8	Thiếu tá	Bậc 5	6,00	7.800.000
9	Đại uý	Bậc 4	5,40	7.020.000
10	Thượng uý	Bậc 3	5,00	6.500.000
11	Trung uý	Bậc 2	4,60	5.980.000
12	Thiếu uý	Bậc 1	4,20	5.460.000

Bảng 2

BẢNG NÂNG LƯƠNG CẤP BẬC QUÂN HÀM SĨ QUAN VÀ CẤP HÀM CƠ YẾU

Đơn vị tính: Đồng

SỐ TT	CẤP BẬC QUÂN HÀM SĨ QUAN	CẤP HÀM CƠ YẾU	NÂNG LƯƠNG LẦN 1		NÂNG LƯƠNG LẦN 2	
			Hệ số	Mức lương từ 01/7/2017	Hệ số	Mức lương từ 01/7/2017
1	Đại tướng	-	11,00	14.300.000	-	-
2	Thượng tướng	-	10,40	13.520.000	-	-
3	Trung tướng	-	9,80	12.740.000	-	-
4	Thiếu tướng	Bậc 9	9,20	11.960.000	-	-
5	Đại tá	Bậc 8	8,40	10.920.000	8,60	11.180.000
6	Thượng tá	Bậc 7	7,70	10.010.000	8,10	10.530.000
7	Trung tá	Bậc 6	7,00	9.100.000	7,40	9.620.000
8	Thiếu tá	Bậc 5	6,40	8.320.000	6,80	8.840.000
9	Đại uý	-	5,80	7.540.000	6,20	8.060.000
10	Thượng uý	-	5,35	6.955.000	5,70	7.410.000

Bảng 3

BẢNG PHỤ CẤP CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO

3.1. BẢNG PHỤ CẤP CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Đơn vị tính: Đồng

SỐ TT	CHỨC DANH LÃNH ĐẠO	HỆ SỐ	MỨC PHỤ CẤP THỰC HIỆN từ 01/7/2017
1	Bộ trưởng	1,50	1.950.000
2	Tổng Tham mưu trưởng; Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị	1,40	1.820.000
3	Chủ nhiệm Tổng cục; Tư lệnh Quân khu, Tư lệnh Quân chủng, Tư lệnh Bộ đội Biên phòng	1,25	1.625.000
4	Tư lệnh Quân đoàn; Tư lệnh Binh chủng	1,10	1.430.000
5	Phó Tư lệnh Quân đoàn; Phó Tư lệnh Binh chủng	1,00	1.300.000
6	Sư đoàn trưởng	0,90	1.170.000
7	Lữ đoàn trưởng	0,80	1.040.000
8	Trung đoàn trưởng	0,70	910.000
9	Phó Trung đoàn trưởng	0,60	780.000
10	Tiểu đoàn trưởng	0,50	650.000
11	Phó Tiểu đoàn trưởng	0,40	520.000
12	Đại đội trưởng	0,30	390.000
13	Phó Đại đội trưởng	0,25	325.000
14	Trung đội trưởng	0,20	260.000

3.2. BẢNG PHỤ CẤP CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO CƠ YẾU

Đơn vị tính: Đồng

SỐ TT	CHỨC DANH LÃNH ĐẠO	HỆ SỐ	MỨC PHỤ CẤP THỰC HIỆN từ 01/7/2017
1	Trưởng Ban Cơ yếu Chính phủ	1,30	1.690.000
2	Phó trưởng Ban Cơ yếu Chính phủ	1,10	1.430.000
3	Cục trưởng, Vụ trưởng, Chánh Văn phòng và tương đương thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ	0,90	1.170.000
4	Phó Cục trưởng, Phó Vụ trưởng, Phó Chánh Văn phòng và tương đương thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ	0,70	910.000
5	Trưởng phòng Cơ yếu thuộc Bộ, thuộc thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và tương đương	0,60	780.000
6	Trưởng phòng thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ, thuộc tỉnh và tương đương	0,50	650.000
7	Phó trưởng phòng thuộc Bộ, thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ, thuộc thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và tương đương	0,40	520.000
8	Phó trưởng phòng cơ yếu tỉnh và tương đương	0,30	390.000
9	Trưởng ban hoặc Đội trưởng cơ yếu đơn vị và tương đương	0,20	260.000

Bảng 4

BẢNG PHỤ CẤP QUÂN HÀM
HẠ SĨ QUAN, BINH SĨ VÀ HỌC VIÊN CƠ YẾU

Đơn vị tính: Đồng

SỐ TT	CẤP BẬC QUÂN HÀM HẠ SĨ QUAN, BINH SĨ	HỌC VIÊN CƠ YẾU	HỆ SỐ	MỨC PHỤ CẤP THỰC HIỆN từ 01/7/2017
1	Thượng sĩ	-	0,70	910.000
2	Trung sĩ	-	0,60	780.000
3	Hạ sĩ	-	0,50	650.000
4	Binh nhất	-	0,45	585.000
5	Binh nhì	Học viên cơ yếu	0,40	520.000

Bảng 5

BẢNG LƯƠNG QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP VÀ CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT CƠ YẾU

Đơn vị tính: Đồng

CHỨC DANH	BẬC LƯƠNG												
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	VK
I. Quân nhân chuyên nghiệp và chuyên môn kỹ thuật cao cấp													
Nhóm 1													
-Hệ số	**3,85**	**4,20**	**4,55**	**4,90**	**5,25**	**5,60**	**5,95**	**6,30**	**6,65**	**7,00**	**7,35**	**7,70**	VK
- Mức lương thực hiện từ 01/7/2017	5.005.000	5.460.000	5.915.000	6.370.000	6.825.000	7.280.000	7.735.000	8.190.000	8.645.000	9.100.000	9.555.000	10.010.000	
Nhóm 2													
-Hệ số	**3,65**	**4,00**	**4,35**	**4,70**	**5,05**	**5,40**	**5,75**	**6,10**	**6,45**	**6,80**	**7,15**	**7,50**	VK
- Mức lương thực hiện từ 01/7/2017	4.745.000	5.200.000	5.655.000	6.110.000	6.565.000	7.020.000	7.475.000	7.930.000	8.385.000	8.840.000	9.295.000	9.750.000	
II. Quân nhân chuyên nghiệp và chuyên môn kỹ thuật trung cấp													
Nhóm 1													
-Hệ số	**3,50**	**3,80**	**4,10**	**4,40**	**4,70**	**5,00**	**5,30**	**5,60**	**5,90**	**6,20**	VK		
- Mức lương thực hiện từ 01/7/2017	4.550.000	4.940.000	5.330.000	5.720.000	6.110.000	6.500.000	6.890.000	7.280.000	7.670.000	8.060.000			
Nhóm 2													
-Hệ số	**3,20**	**3,50**	**3,80**	**4,10**	**4,40**	**4,70**	**5,00**	**5,30**	**5,60**	**5,90**	VK		
- Mức lương thực hiện từ 01/7/2017	4.160.000	4.550.000	4.940.000	5.330.000	5.720.000	6.110.000	6.500.000	6.890.000	7.280.000	7.670.000			
III. Quân nhân chuyên nghiệp và chuyên môn kỹ thuật sơ cấp													
Nhóm 1													
-Hệ số	**3,20**	**3,45**	**3,70**	**3,95**	**4,20**	**4,45**	**4,70**	**4,95**	**5,20**	**5,45**	VK		
- Mức lương thực hiện từ 01/7/2017	4.160.000	4.485.000	4.810.000	5.135.000	5.460.000	5.785.000	6.110.000	6.435.000	6.760.000	7.085.000			
Nhóm 2													
-Hệ số	**2,95**	**3,20**	**3,45**	**3,70**	**3,95**	**4,20**	**4,45**	**4,70**	**4,95**	**5,20**	VK		
- Mức lương thực hiện từ 01/7/2017	3.835.000	4.160.000	4.485.000	4.810.000	5.135.000	5.460.000	5.785.000	6.110.000	6.435.000	6.760.000			

BẢNG 6

BẢNG LƯƠNG CÔNG NHÂN QUỐC PHÒNG

Đơn vị tính: Đồng

Loại	Nhóm	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6	Bậc 7	Bậc 8	Bậc 9	Bậc 10
LOẠI A	*Nhóm 1*										
	Hệ số	**3,50**	**3,85**	**4,20**	**4,55**	**4,90**	**5,25**	**5,60**	**5,95**	**6,30**	**6,65**
	- Mức lương thực hiện từ 01/7/2017	4.550.000	5.005.000	5.460.000	5.915.000	6.370.000	6.825.000	7.280.000	7.735.000	8.190.000	8.645.000
	Nhóm 2										
	Hệ số	**3,20**	**3,55**	**3,90**	**4,25**	**4,60**	**4,95**	**5,30**	**5,65**	**6,00**	**6,35**
	- Mức lương thực hiện từ 01/7/2017	4.160.000	4.615.000	5.070.000	5.525.000	5.980.000	6.435.000	6.890.000	7.345.000	7.800.000	8.255.000
LOẠI B	**Hệ số**	**2,90**	**3,20**	**3,50**	**3,80**	**4,10**	**4,40**	**4,70**	**5,00**	**5,30**	**5,60**
	- Mức lương thực hiện từ 01/7/2017	3.770.000	4.160.000	4.550.000	4.940.000	5.330.000	5.720.000	6.110.000	6.500.000	6.890.000	7.280.000
LOẠI C	**Hệ số**	**2,70**	**2,95**	**3,20**	**3,45**	**3,70**	**3,95**	**4,20**	**4,45**	**4,70**	**4,95**
	- Mức lương thực hiện từ 01/7/2017	3.510.000	3.835.000	4.160.000	4.485.000	4.810.000	5.135.000	5.460.000	5.785.000	6.110.000	6.435.000

Phụ lục 2

DANH MỤC MẪU BIỂU BÁO CÁO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 145/2017/TT-BQP ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

SỐ TT	MẪU BIỂU	NỘI DUNG
1	Mẫu 01	Báo cáo quỹ lương, phụ cấp tăng thêm năm 2017
2	Mẫu 02	Báo cáo ngân sách tăng thêm cho việc thực hiện ra quân năm 2017
3	Mẫu 03	Báo cáo thu bảo hiểm xã hội tăng thêm năm 2017
4	Mẫu 04	Báo cáo chi bảo hiểm xã hội tăng thêm năm 2017
5	Mẫu 05	Báo cáo thu bảo hiểm y tế tăng thêm năm 2017

Mẫu 01: Báo cáo quỹ lương, phụ cấp tăng thêm năm 2017

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN.....

ĐƠN VỊ:.....

BÁO CÁO

QUỸ LƯƠNG, PHỤ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2017

(Do điều chỉnh tiền lương cơ sở từ 1.210.000 đồng lên 1.300.000 đồng/tháng

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đối tượng	Quân số	Tổng quỹ lương tính theo lương cơ sở 1.300.000 đồng/tháng			Tổng quỹ lương tính theo lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng			Chênh lệch tăng thêm
		Lương chính	Các khoản phụ cấp	Cộng	Lương chính	Các khoản phụ cấp	Cộng	
a	b	1	2	3 = 1 + 2	4	5	6 = 4 + 5	7 = 3 - 6
1. Sĩ quan và cấp hàm cơ yếu								
2. Quân nhân chuyên nghiệp và chuyên môn kỹ thuật cơ yếu								
3. Công nhân và viên chức quốc phòng, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu								
4. Hạ sĩ quan, binh sĩ và học viên cơ yếu								
5. Lao động hợp đồng								
Tổng cộng								

Bằng chữ: .....

Ngày..... tháng.... năm 2017

TRƯỞNG PHÒNG (BAN) TÀI CHÍNH
(Ký và ghi rõ họ, tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 02: Báo cáo ngân sách tăng thêm cho việc thực hiện ra quân năm 2017

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN.....

ĐƠN VỊ:.....

BÁO CÁO

NGÂN SÁCH TĂNG THÊM CHO VIỆC THỰC HIỆN RA QUÂN NĂM 2017

(Do điều chỉnh tiền lương cơ sở từ 1.210.000 đồng lên 1.300.000 đồng/tháng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đối tượng	Quân số	Tính theo lương cơ sở 1.300.000 đồng/tháng					Tính theo lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng					Chênh lệch tăng thêm
		Trợ cấp quy đổi	T.C phục viên, xuất ngũ, thôi việc	T.C tạo việc làm	Hỗ trợ đào tạo nghề	Cộng	Trợ cấp quy đổi	T.C phục viên, xuất ngũ, thôi việc	T.C tạo việc làm	Hỗ trợ đào tạo nghề	Cộng	
a	b	1	2	3	4	5=1+2+3+4	6	7	8	9	10=6+7+8+9	11=5-10
1. Sĩ quan và cấp hàm cơ yếu												
2. QNCN và chuyên môn kỹ thuật cơ yếu												
3. Công nhân và viên chức quốc phòng, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu												
4. Hạ sĩ quan, binh sĩ và học viên cơ yếu												
5. Lao động hợp đồng												
Tổng cộng												

Bằng chữ:.....

Ngày..... tháng..... năm 2017

TRƯỞNG PHÒNG (BAN) TÀI CHÍNH
(Ký và ghi rõ họ, tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 03: Báo cáo thu bảo hiểm xã hội tăng thêm năm 2017

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN.....
ĐƠN VỊ:.....

BÁO CÁO
THU BẢO HIỂM XÃ HỘI TĂNG THÊM NĂM 2017
(Do điều chỉnh tiền lương cơ sở từ 1.210.000 đồng lên 1.300.000 đồng/tháng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đối tượng	Tổng quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội		Quỹ lương chênh lệch tăng thêm	Số tiền thu bảo hiểm xã hội tăng thêm		
	Tính theo lương cơ sở 1.300.000 đồng/tháng	Tính theo lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng		Tổng số	Trong đó	
					Người lao động đóng	Người sử dụng lao động đóng
a	1	2	3=1-2	4 = 5 + 6	5 = 3 x 8%	6 = 3 x 17,5%
I. ĐƠN VỊ HƯỞNG LƯƠNG NS						
1. Sĩ quan và cấp hàm cơ yếu						
2. QNCN và chuyên môn kỹ thuật cơ yếu						
3.....						
II. DOANH NGHIỆP						
1. Sĩ quan và cấp hàm cơ yếu						
2. QNCN và chuyên môn kỹ thuật cơ yếu						
3.....						
Tổng cộng						

Ghi chú: Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ và học viên cơ yếu, cột 6 được tính bằng công thức: 6 = 3 x 22,5%.

Bằng chữ: .....

TRƯỞNG PHÒNG (BAN) TÀI CHÍNH
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ngày..... tháng..... năm 2017
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 04: Báo cáo chi bảo hiểm xã hội tăng thêm năm 2017

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN.....

ĐƠN VỊ:.....

BÁO CÁO

CHI BẢO HIỂM XÃ HỘI TĂNG THÊM NĂM 2017

(Do điều chỉnh tiền lương cơ sở từ 1.210.000 đồng lên 1.300.000 đồng/tháng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Loại trợ cấp	Kế hoạch chi tính theo lương cơ sở 1.210.000 đ/tháng	Kế hoạch chi tính theo lương cơ sở 1.300.000 đ/tháng	Chênh lệch tăng thêm	Trong đó				
				Sĩ quan	QNCN	CNVQP	HSQ,BS	LĐHĐ
1. Trợ cấp ốm đau - Hưởng lương từ ngân sách - Doanh nghiệp								
2. Trợ cấp thai sản - Hưởng lương từ ngân sách - Doanh nghiệp								
3. Trợ cấp TNLĐ - BNN - Hưởng lương từ ngân sách - Doanh nghiệp								
4. Trợ cấp hưu trí - Hưởng lương từ ngân sách - Doanh nghiệp								
5. Trợ cấp tử tuất - Hưởng lương từ ngân sách - Doanh nghiệp								
Tổng cộng								

Bằng chữ: .....

Ngày..... tháng.... năm 2017

TRƯỞNG PHÒNG (BAN) TÀI CHÍNH
(Ký và ghi rõ họ, tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 05: Báo cáo thu bảo hiểm y tế tăng thêm năm 2017

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN.....
ĐƠN VỊ:.....

BÁO CÁO
THU BẢO HIỂM Y TẾ TĂNG THÊM NĂM 2017
(Do điều chỉnh tiền lương cơ sở từ 1.210.000 đồng lên 1.300.000 đồng/tháng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đối tượng	Tổng quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm y tế		Quỹ lương chênh lệch tăng thêm	Số tiền thu bảo hiểm y tế tăng thêm		
	Tính theo lương cơ sở 1.300.000 đồng/tháng	Tính theo lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng		Tổng số	Trong đó	
					Người lao động đóng	Người sử dụng lao động đóng
a	1	2	3=1-2	4 = 5 + 6	5	6
I. ĐƠN VỊ HƯỞNG LƯƠNG NS						
1. Sĩ quan và cấp hàm cơ yếu						
2. QNCN và chuyên môn kỹ thuật cơ yếu						
3.....						
II. DOANH NGHIỆP						
1. Sĩ quan và cấp hàm cơ yếu						
2. QNCN và chuyên môn kỹ thuật cơ yếu						
3.....						
Tổng cộng						

Ghi chú: Đối với công nhân và viên chức quốc phòng, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu, lao động hợp đồng, cột 5 được tính bằng công thức: 5=3x1,5%.

Đối với công nhân và viên chức quốc phòng, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu, lao động hợp đồng, cột 6 được tính bằng công thức: 6=3x3%; đối tượng khác: 6=3x4,5%

Bằng chữ: .....

TRƯỞNG PHÒNG (BAN) TÀI CHÍNH
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ngày..... tháng..... năm 2017
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)